TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2023/DS-PT
Ngày 23-8-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những.

Ông Nguyễn Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 242/2023/QĐ-PT ngày 4 tháng 8 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Kiều Thị Thanh H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số nhà 1099/4, ấp B, xã T, huyện C2, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Trịnh Thị K, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số nhà 238/5, Ấp 5, xã H, huyện C2, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 11 năm 2022).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1958 và bà Bùi Thị C1, sinh năm 1960.

Cả hai cùng địa chỉ: Số nhà 285/7, ấp T, xã T1, huyện C2, tỉnh Long An.

Người đại diện ủy quyền cho bà C1 và ông C: Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Số 333/57 khu phố H1, thị trấn T2, huyện C2, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2023).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà C1 và ông C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2022 của nguyên đơn và cùng những lời trình bày của người đại diện ủy quyền như sau:

Ngày 30/02/2021, bà H cho vợ chồng ông C và bà C1 vay số tiền là 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 01 năm, mục đích vay tiền để mua bán chăn nuôi, giấy mượn tiền do bà C1 viết và ký tên. Đến hạn trả tiền vay nhưng ông C và bà C1 không trả tiền gốc và tiền lãi. Nay bà H yêu cầu ông C và bà C1 trả cho bà H số tiền gốc là 300.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn bà Bùi Thị C1 có lời trình bày: Bà C1 có vay tiền của bà H nhiều lần với tổng số tiền là trên 100.000.000 đồng, dưới 200.000.000 đồng, lãi suất là 30%/tháng. Bà C1 trả tiền vay và tiền lãi cho bà H với số tiền trên 500.000.000 đồng. Do dịch bệnh Covid-19, buôn bán không được nên bà C1 không trả tiền cho bà H nên yêu cầu bà C1 viết giấy nợ với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, trong đó có hơn 100.000.000 đồng tiền lãi, khi đó bà H có hứa sẽ giảm khi bà C1 trả tiền.

Nay bà C1 đồng ý trả cho bà H số tiền vay là 100.000.000 đồng, trả nhiều lần, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Ông C không có vay tiền của bà H, không biết việc bà C1 vay tiền của bà H.

Ông Nguyễn Văn C là bị đơn không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 468 và 470 của Bộ luật dân sự; các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông C và bà C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay còn nợ (không tính lãi trên tiền lãi) theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà H 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008217 ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An. Ông C và bà C1 được miễn án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, bị đơn bà C1 và ông C kháng cáo toàn bộ bản án, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà C1 và ông C thay đổi một phần cầu kháng cáo, đồng ý trả cho bà H số tiền còn nợ là 55.000.000 đồng.

Bị đơn ông C và bà C1 ủy quyền cho bà Ngọc đại diện có lời trình bày: Ông C không đồng ý liên đới vì không tham gia giao dịch với bà H, bà C1 vay tiền không sử dụng vào mục đích gia đình. Trước đây gia đình có nuôi tôm nhưng sau đó không còn nuôi tôm.

Bà C1 đã trả tiền mặt trực tiếp cho bà H 205.000.000 đồng và 40.000.000 đồng con bà C1 chuyển vào 02 số tài khoản do bà H cung cấp, khi sao kê ra thì mới biết đó là số tài khoản do chồng bà H là tên T4 và con gái tên T3 đứng tên số tài khoản. Nên đồng ý trả cho bà H 55.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà H ủy quyền cho bà Kha đại diện có lời trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà C1 và ông C. Giấy mượn tiền thể hiện mục đích vay tiền để buôn bán và chăn nuôi, bà C1 trình bày trước đây ông bà có nuôi tôm về sau không còn nuôi. Như vậy, mục đích vay tiền sử dụng vào làm ăn trong gia đình, ông C là chồng hợp pháp vẫn có nghĩa vụ liên đới. Đối với số tiền chuyển khoản bà C1 trình bày chuyển cho ông T4 và con gái là bà T3 không liên quan số tiền vay mà là số tiền nợ hụi. Tại bảng sao kê cũng không thể hiện mục đích chuyển. Bà H cho vay lãi suất 1.5%/tháng, bà C1 trả tiền lãi được 01 năm thì ngưng, khi trả tiền lãi bà H có ký nhận và biên nhận do bà C1 giữ.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà C1 và ông C kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Tại giấy mượn tiền ngày 30/02/2021 thể hiện nội dung bà C1 mượn 300.000.000 đồng, do bà C1 viết và ký tên, thời hạn mượn là 01 năm. Bà C1 trình bày đã trả từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng tiền gốc và trả hơn 500.000.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện

ủy quyền bị đơn trình bày đã trả cho bà H tiền mặt 205.000.000 đồng và đã chuyển khoản 40.000.000 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh trả tiền mặt. Bị đơn cung cấp bảng sao kê nhưng nguyên đơn trình bày không liên quan đến số tiền vay nên yêu cầu kháng cáo của bà C1 không có căn cứ chấp nhận.

Ông C là chồng bà C1, số tiền vay trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, giấy vay tiền thể hiện mục đích vay buôn bán, chăn nuôi nên ông C vẫn có nghĩa vụ liên đới với bà C1 trả tiền cho bà H là có căn cứ theo Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, kháng cáo của ông C không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà C1 và ông C. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà C1 và ông C kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn bà C1 và ông C về một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Bà H yêu cầu bà C1 và ông C liên đới trả cho bà H số tiền gốc là 300.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Chứng cứ bà H cung cấp là giấy mượn tiền ngày 30 tháng 02 năm 2021 do bà C1 ghi và ký tên có nội dung mượn của bà H số tiền 300.000.000 đồng, để mua bán và chăn nuôi, hẹn trong vòng 01 năm sẽ trả lại đầy đủ số tiền trên. Bà C1 thừa nhận có mượn tiền của bà H từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nhưng đã trả tiền lãi trên 500.000.000 đồng, tính 30%/tháng nên không đồng ý trả tiền tiếp cho bà H. Giấy mượn tiền ngày 30/02/2021 do bà H yêu cầu viết và hứa sẽ tính lại tiền lãi vì trong đó có khoản 100.000.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện ủy quyền cho bà C1 trình bày xác định chỉ nợ 55.000.000 đồng và đồng ý trả vì bà C1 đã trả trực tiếp cho bà H 205.000.000 đồng và chuyển khoản 40.000.000 đồng. Ông C không đồng ý liên đới vì hoàn toàn không biết việc bà C1 vay tiền, không ký nhận nợ.

[3.1] Xét thấy, lời trình bày của người đại diện ủy quyền của bà C1 và ông C không được người đại diện ủy quyền của bà H thừa nhận. Việc bà C1 đã trả tiền mặt 205.000.000 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bị đơn cung cấp chứng cứ bảng sao kê của Ngân hàng thể hiện con của bà C1 là Nguyễn Tấn L chuyển vào số tài khoản cho người thụ hưởng tên Nguyễn Chí T4 và Lê Thị Thu T3 chuyển 40.000.000 đồng (trong đó tên T4 28.000.000 đồng, tên T3 12.000.00 đồng). Đây là chứng cứ mới cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, nên chưa làm rõ được ý chí của người chuyển tiền là ông Nguyễn Tấn Lợi cũng như người thụ hưởng là Nguyễn Chí T4 và Lê Thị Thu T3; mặt khác, tại bảng sao kê không

thể hiện mục đích chuyển khoản, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày số tiền chuyển khoản không liên quan đến số tiền bà H vay mà đây giao dịch hụi với ông T4 nên không có căn cứ để xem xét cấn trừ vào số tiền vay. Vì vậy, đối với chứng cứ này, ông Lợi có quyền khởi kiện ông T4 và bà T3 bằng một vụ kiện khác. Biên nhận nợ bà C1 thừa nhận có viết và ký tên và tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ chứng minh cho việc có trả số tiền 245.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 30/02/2021 để buộc bà C1 trả cho bà H 300.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bà C1 không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Bà C1 giao dịch mượn tiền trong thời kỳ hôn nhân, mục đích mượn tiền bà C1 ghi làm ăn và chăn nuôi nên ông C là chồng trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp vẫn có nghĩa vụ liên đới đối với những giao dịch của bà C1 nên cấp sơ thẩm buộc liên đới là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và Gia đình. Nên kháng cáo của ông C không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận kháng cáo của bà C1 và ông T4. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà C1 và ông C được miễn án phí vì thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị C1 và ông Nguyễn Văn C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 468 và 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị Thanh H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Bùi Thị C1 và ông Nguyễn Văn C.

1. Buộc bà Bùi Thị C1 và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Kiều Thị Thanh H 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay còn nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kiều Thị Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Kiều Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008217 ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An. Bà Bùi Thị C1 và ông Nguyễn Văn C được miễn nộp án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị C1 và ông Nguyễn Văn C được miễn nộp án phí.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị Cỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền